

QUYẾT ĐỊNH
V/v công nhận kết quả thi
ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Tờ trình số 83/TTr-TTCNTT-TT ngày 08/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng thi chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản Khóa 06/2020, ngày thi 04,05/7/2020 tại Trung tâm CNTT&TT - Sở TT&TT;

Xét đề nghị của Trưởng phòng GDCNTX Sở Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi đạt yêu cầu cho 245 thí sinh đã tham dự Kỳ thi ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản Khóa 06/2020, ngày thi 04,05/7/2020 theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi tại Trung tâm CNTT&TT - Sở TT&TT (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thanh tra, Trưởng phòng GDCNTX Sở GDĐT, Giám đốc Trung tâm CNTT&TT - Sở TT&TT, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan về các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Giám đốc, các PGD Sở;
- Lưu: VT, Phòng GDCNTX.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Hồ Giang Long

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ
THI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TẠI HỘI ĐỒNG THI TRUNG TÂM CNTT&TT SỞ TT&TT**

Khóa 6/2020, ngày thi 04, 05/7/2020

(Kèm theo Quyết định số 1803/QĐ-SGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Giám đốc
Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình)

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						LT	TH		
1	cb20k6_001	Dương Bá	An	09/01/1984	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	
2	cb20k6_002	Võ Thị Hoài	An	08/01/1993	Quảng Bình	7,5	9,5	Đạt	
3	cb20k6_003	Nguyễn Thị Huyền	Anh	07/03/1986	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
4	cb20k6_004	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	04/10/1994	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
5	cb20k6_005	Nguyễn Thế	Bảo	27/06/1990	Quảng Bình	7,5	7,5	Đạt	
6	cb20k6_007	Trần Văn	Biểu	26/01/1982	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
7	cb20k6_008	Trần Duy	Bình	27/12/1977	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
8	cb20k6_009	Trần Thị Phúc	Bình	10/09/1993	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	
9	cb20k6_010	Bùi Thị Minh	Châu	18/06/1981	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
10	cb20k6_011	Nguyễn Thị	Chỉ	22/11/1979	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
11	cb20k6_012	Võ Thị	Chiên	26/12/1980	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
12	cb20k6_013	Phan Thúc	Chính	03/12/1979	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
13	cb20k6_014	Nguyễn Thành	Chuân	22/12/1983	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
14	cb20k6_015	Dương Đệ	Cường	03/05/1982	Quảng Bình	6,7	7,0	Đạt	
15	cb20k6_016	Phan Thị	Dị	03/05/1983	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	
16	cb20k6_017	Võ Thị Mai	Diễm	10/10/1992	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
17	cb20k6_018	Phạm Thị	Diễn	30/11/1984	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
18	cb20k6_019	Nguyễn Thị	Diệp	13/11/1979	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
19	cb20k6_020	Nguyễn Quang	Duân	11/02/1972	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
20	cb20k6_021	Hoàng Thị	Duân	30/12/1971	Quảng Bình	7,9	8,5	Đạt	
21	cb20k6_022	Đặng Thị	Duyên	07/06/1990	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
22	cb20k6_023	Võ Thị	Duyên	07/07/1989	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
23	cb20k6_024	Nguyễn Bá	Dương	27/12/1976	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
24	cb20k6_025	Nguyễn Hải	Dương	03/09/1968	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	
25	cb20k6_026	Trần Đình	Đào	13/08/1983	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
26	cb20k6_027	Lê Văn	Điền	22/04/1965	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	
27	cb20k6_028	Hoàng Quảng Mỹ	Diệp	05/08/1981	Quảng Bình	7,5	7,0	Đạt	
28	cb20k6_029	Phan Thị	Diệp	19/05/1986	Quảng Bình	7,9	7,0	Đạt	
29	cb20k6_030	Nguyễn Xuân	Đông	06/07/1980	Quảng Bình	7,9	7,0	Đạt	
30	cb20k6_031	Trần Thị Minh	Đức	23/06/1982	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
31	cb20k6_032	Dương Thị Hồng	Gắm	21/01/1974	Quảng Bình	8,8	7,5	Đạt	
32	cb20k6_033	Lê Thị Hương	Giang	12/01/1975	Nghệ An	7,1	7,5	Đạt	
33	cb20k6_034	Nguyễn Thị	Giang	04/08/1981	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	
34	cb20k6_035	Nguyễn Thị Lệ	Giang	14/07/1977	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
35	cb20k6_036	Nguyễn Thị Thảo	Giang	10/10/1991	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
36	cb20k6_037	Trần Thị Hương	Giang	15/10/1992	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
37	cb20k6_038	Lê Đình	Giới	08/11/1964	Quảng Bình	8,3	7,0	Đạt	
38	cb20k6_039	Hồ Thị Thu	Hà	20/08/1980	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						LT	TH		
39	cb20k6_040	Lê Thị Việt	Hà	01/05/1975	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
40	cb20k6_041	Nguyễn Thị	Hà	20/11/1983	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
41	cb20k6_042	Hoàng Văn	Hải	08/03/1978	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	
42	cb20k6_043	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	20/05/1984	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
43	cb20k6_044	Đặng Văn	Hào	02/11/1972	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
44	cb20k6_045	Trần Thị	Hào	05/07/1982	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
45	cb20k6_046	Đào Thị	Hằng	04/02/1985	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
46	cb20k6_047	Lê Thị	Hằng	02/08/1990	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
47	cb20k6_048	Lê Thúy	Hằng	28/01/1988	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
48	cb20k6_049	Nguyễn Thị	Hằng	06/06/1990	Quảng Bình	7,5	7,0	Đạt	
49	cb20k6_050	Nguyễn Thị	Hằng	03/08/1987	Quảng Bình	8,8	7,0	Đạt	
50	cb20k6_051	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	30/06/1980	Quảng Bình	7,5	7,0	Đạt	
51	cb20k6_053	Võ Thị	Hằng	23/08/1986	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
52	cb20k6_054	Hoàng Thị	Hiên	10/09/1981	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
53	cb20k6_055	Trần Thị	Hiên	29/10/1991	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
54	cb20k6_056	Hoàng Thị	Hiên	23/12/1983	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	
55	cb20k6_057	Mai Thị	Hiên	26/08/1985	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
56	cb20k6_058	Trần Văn	Hiên	10/10/1985	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
57	cb20k6_059	Hoàng Thị	Hiệp	09/09/1990	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
58	cb20k6_060	Dương Thị	Hoa	15/07/1985	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
59	cb20k6_061	Lê Thị Hồng	Hoa	05/09/1977	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
60	cb20k6_062	Nguyễn Thị	Hoa	10/08/1990	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
61	cb20k6_063	Hoàng Thị Thu	Hoài	10/03/1992	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
62	cb20k6_064	Phạm Thị	Hoài	03/11/1976	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
63	cb20k6_065	Nguyễn Công	Hoan	15/10/1982	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
64	cb20k6_066	Ngô Thị Thu	Hoàn	20/12/1987	Quảng Bình	7,5	7,5	Đạt	
65	cb20k6_067	Nguyễn Thị	Hoàn	04/07/1988	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
66	cb20k6_068	Ngô Đức	Hoàng	26/12/1990	Quảng Bình	8,8	8,0	Đạt	
67	cb20k6_069	Đặng Thị Thu	Hồng	10/04/1987	Quảng Trị	7,5	7,5	Đạt	
68	cb20k6_070	Nguyễn Thị	Hồng	20/10/1994	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	
69	cb20k6_071	Phan Thị	Hồng	02/10/1976	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
70	cb20k6_072	Phan Thị Lệ	Hồng	09/01/1981	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
71	cb20k6_073	Võ Thị Khánh	Hồng	19/01/1983	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
72	cb20k6_074	Lê Thị Hồng	Huế	23/12/1983	Quảng Trị	7,1	8,5	Đạt	
73	cb20k6_075	Trần Thị	Huế	08/03/1980	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
74	cb20k6_076	Cao Thị Minh	Huệ	04/06/1976	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
75	cb20k6_077	Nguyễn Thị	Huệ	08/03/1991	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	
76	cb20k6_078	Trương Thị Vinh	Huệ	14/10/1995	Quảng Bình	7,9	7,0	Đạt	
77	cb20k6_079	Nguyễn Việt	Hùng	15/05/1971	Quảng Bình	7,5	7,0	Đạt	
78	cb20k6_080	Đặng Thị	Huyền	10/05/1985	Quảng Bình	8,3	7,0	Đạt	
79	cb20k6_081	Đoàn Thị Thanh	Huyền	19/12/1980	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
80	cb20k6_082	Đỗ Thị Thu	Huyền	26/10/1980	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
81	cb20k6_083	Hoàng Thị	Huyền	20/11/1977	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
82	cb20k6_084	Mai Thanh	Huyền	06/04/1983	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
83	cb20k6_085	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	23/03/1991	Hà Tĩnh	8,8	9,0	Đạt	

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						LT	TH		
84	c520k6_086	Lê Thị	Hứa	10/06/1979	Hà Tĩnh	7,1	7,0	Đạt	
85	c520k6_087	Lê Thị Lan	Hương	18/02/1972	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
86	c520k6_088	Nguyễn Thị	Hương	24/05/1983	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
87	c520k6_089	Nguyễn Thị Thu	Hương	15/09/1974	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
88	c520k6_090	Phạm Thị	Hương	22/05/1982	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	
89	c520k6_091	Võ Thị	Hương	10/02/1986	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
90	cb20k6_092	Phạm Thu	Hường	25/03/1985	Quảng Bình	7,9	7,5	Đạt	
91	cb20k6_093	Cao Thị	Hướng	07/07/1985	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	
92	cb20k6_094	Nguyễn Văn	Hướng	25/02/1977	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
93	cb20k6_095	Lê Quốc	Khánh	25/04/1966	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
94	cb20k6_096	Trần Thị	Kiều	08/02/1985	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
95	cb20k6_097	Trần Thị	Kiều	16/11/1992	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
96	cb20k6_098	Phan Đình	Kính	10/07/1969	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
97	cb20k6_099	Lê Thị	Lan	01/07/1981	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
98	cb20k6_100	Lê Thị	Lan	08/10/1990	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
99	cb20k6_101	Nguyễn Thị	Lan	10/08/1986	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	
100	cb20k6_102	Võ Thị	Làn	10/06/1983	Quảng Bình	7,1	9,5	Đạt	
101	cb20k6_103	Phạm Minh	Lành	02/02/1979	Quảng Bình	7,5	7,0	Đạt	
102	cb20k6_104	Ngô Văn	Lập	10/07/1978	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
103	cb20k6_105	Dương Thị Mỹ	Lệ	01/01/1984	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
104	cb20k6_106	Lê Thị Hồng	Lệ	28/11/1986	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
105	cb20k6_107	Lê Thị Mỹ	Lệ	30/04/1974	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
106	cb20k6_108	Nguyễn Du	Lịch	20/10/1986	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
107	cb20k6_109	Trần Thị Bích	Liên	25/04/1981	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
108	cb20k6_110	Lê Quốc	Liệu	20/02/1967	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
109	cb20k6_111	Hoàng Thị Mỹ	Linh	09/09/1985	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
110	cb20k6_112	Hoàng Thùy	Linh	14/02/1988	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	
111	cb20k6_113	Nguyễn Thị Diệu	Linh	13/06/1990	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
112	cb20k6_114	Phan Thị	Linh	20/06/1988	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	
113	cb20k6_115	Trần Ngọc	Linh	05/07/1989	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
114	cb20k6_116	Hoàng Thị Hồng	Lĩnh	03/04/1990	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
115	cb20k6_117	Trần Như	Lĩnh	04/07/1975	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
116	cb20k6_118	Đặng Thị Thanh	Loan	20/06/1989	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
117	cb20k6_119	Nguyễn Thị	Loan	20/09/1987	Quảng Bình	7,5	7,0	Đạt	
118	cb20k6_120	Nguyễn Thị Phúc	Loan	22/02/1982	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
119	cb20k6_121	Võ Thị	Loan	27/09/1978	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
120	cb20k6_122	Dương Thị	Lợi	19/02/1978	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	
121	cb20k6_123	Nguyễn Thị	Lợi	05/09/1970	Quảng Bình	6,7	7,0	Đạt	
122	cb20k6_124	Mai Thị	Lũy	20/05/1975	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
123	cb20k6_125	Bùi Thị	Luyến	27/10/1984	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
124	cb20k6_126	Lưu Thị	Lương	17/01/1984	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	
125	cb20k6_127	Trần Thị Hải	Lý	18/03/1974	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
126	cb20k6_128	Hoàng Thị	Mai	10/04/1969	Quảng Bình	8,3	7,0	Đạt	
127	cb20k6_129	Lê Thị	Mai	15/10/1974	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
128	cb20k6_130	Trần Thị Ly	Me	10/05/1993	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						LT	TH		
129	cb20k6_131	Hồ Ngọc	Nam	01/12/1982	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
130	cb20k6_132	Lê Thị	Nga	04/02/1978	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
131	cb20k6_133	Nguyễn Thị	Nga	19/08/1991	Hà Tĩnh	8,3	9,5	Đạt	
132	cb20k6_134	Nguyễn Thị Thanh	Nga	11/10/1982	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
133	cb20k6_135	Phan Thị Hồng	Nga	21/05/1979	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
134	cb20k6_136	Ngô Gia	Ngãi	17/01/1972	Quảng Bình	6,7	7,0	Đạt	
135	cb20k6_137	Đặng Thị	Ngàn	02/06/1983	Quảng Bình	7,9	7,5	Đạt	
136	cb20k6_138	Hoàng Đại	Nghĩa	30/07/1978	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
137	cb20k6_139	Phan Thị	Ngoan	06/10/1987	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
138	cb20k6_140	Trần Thị	Ngoàn	08/01/1977	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
139	cb20k6_141	Đinh Công	Ngọc	05/03/1985	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
140	cb20k6_142	Trương Văn	Ngọc	05/07/1982	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	
141	cb20k6_143	Phan Trọng	Nguyên	05/09/1981	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	
142	cb20k6_144	Phạm Thị	Nhàn	20/07/1981	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
143	cb20k6_145	Phan Thị Thanh	Nhàn	10/10/1983	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
144	cb20k6_146	Trần Anh	Nhân	03/05/1985	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
145	cb20k6_147	Võ Chí	Nhân	13/09/1979	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
146	cb20k6_148	Lê Văn	Nhật	01/12/1970	Quảng Bình	7,5	7,0	Đạt	
147	cb20k6_149	Thăng Thị Tố	Nhi	07/05/1986	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	
148	cb20k6_150	Hoàng Thị	Nhị	24/11/1988	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
149	cb20k6_151	Phan Thị	Nhị	10/12/1983	Quảng Bình	7,5	7,5	Đạt	
150	cb20k6_152	Lê Thị Bích	Nhớ	18/02/1975	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
151	cb20k6_153	Lê Thị Tuyết	Nhung	22/08/1975	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
152	cb20k6_154	Nguyễn Thị	Nở	04/02/1984	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
153	cb20k6_155	Nguyễn Văn	Núi	16/04/1985	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
154	cb20k6_156	Lê Thị Kim	Oanh	31/05/1985	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	
155	cb20k6_157	Đỗ Tuấn	Phong	08/01/1977	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	
156	cb20k6_158	Lê Văn	Phúc	15/12/1973	Quảng Bình	8,3	7,5	Đạt	
157	cb20k6_159	Hoàng Thị	Phương	01/06/1982	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
158	cb20k6_160	Mai Thị Quế	Phương	06/04/1975	Quảng Bình	8,3	7,0	Đạt	
159	cb20k6_161	Võ Nguyễn An	Phương	29/09/1985	Quảng Bình	7,9	9,0	Đạt	
160	cb20k6_162	Nguyễn Thị	Phượng	14/04/1974	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
161	cb20k6_163	Đỗ Trung	Quân	17/03/1978	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	
162	cb20k6_164	Trương Thị Hoài	Quy	19/04/1995	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
163	cb20k6_165	Đặng Thị	Quyên	24/02/1986	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
164	cb20k6_166	Phan Thị	Quyên	30/04/1977	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	
165	cb20k6_167	Mai Xuân	Quỳnh	20/02/1979	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
166	cb20k6_168	Phạm Thị Như	Quỳnh	12/02/1984	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
167	cb20k6_169	Nguyễn Thị	Sàn	06/01/1971	Quảng Bình	8,3	7,0	Đạt	
168	cb20k6_170	Nguyễn Ngọc	Sâm	26/08/1979	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
169	cb20k6_171	Hoàng Thị	Sen	06/10/1984	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
170	cb20k6_172	Nguyễn Thị	Sinh	05/06/1975	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
171	cb20k6_173	Nguyễn Bá	Soái	19/05/1972	Quảng Bình	6,7	7,0	Đạt	
172	cb20k6_175	Lê Văn	Son	19/07/1977	Quảng Bình	8,8	8,0	Đạt	
173	cb20k6_176	Nguyễn Hồng	Son	06/10/1991	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						LT	TH		
174	cb20k6_177	Trần Thanh	Sơn	22/05/1985	Kon Tum	7,9	8,5	Đạt	
175	cb20k6_178	Trần Thị	Sương	02/01/1970	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
176	cb20k6_179	Cái Văn	Sỹ	05/09/1966	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
177	cb20k6_180	Lê Văn	Tá	24/03/1973	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	
178	cb20k6_181	Dương Ngọc	Tài	11/07/1993	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	
179	cb20k6_182	Lê Văn	Tài	01/05/1981	Quảng Bình	7,9	8,5	Đạt	
180	cb20k6_183	Trần Quốc	Tài	06/08/1989	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	
181	cb20k6_184	Võ Thanh	Tâm	28/08/1971	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
182	cb20k6_185	Trần Thị	Tân	16/06/1978	Quảng Trị	7,5	8,0	Đạt	
183	cb20k6_186	Lê Quang	Thạch	07/04/1969	Quảng Bình	8,3	7,0	Đạt	
184	cb20k6_187	Nguyễn Thị	Thanh	16/04/1992	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
185	cb20k6_188	Nguyễn Thị Hồng	Thanh	06/09/1969	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
186	cb20k6_189	Lê Thanh	Thành	27/11/1978	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
187	cb20k6_190	Nguyễn Chí	Thành	25/02/1982	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
188	cb20k6_191	Nguyễn Thị	Thành	02/02/1987	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
189	cb20k6_192	Trần Đình	Thành	20/09/1973	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	
190	cb20k6_193	Võ Quang	Thành	27/03/1969	Quảng Bình	8,8	7,0	Đạt	
191	cb20k6_194	Nguyễn Thị	Thảo	10/12/1988	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
192	cb20k6_195	Trần Phương	Thảo	15/10/1982	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
193	cb20k6_196	Nguyễn Thị	Thêu	20/07/1989	Thanh Hóa	7,1	7,5	Đạt	
194	cb20k6_197	Nguyễn Thị	Thiệt	26/01/1984	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
195	cb20k6_198	Trương Thị Minh	Thiệt	01/07/1979	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
196	cb20k6_200	Nguyễn Thị	Thới	14/07/1989	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	
197	cb20k6_201	Hoàng Thị Hoài	Thu	19/09/1971	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
198	cb20k6_202	Phan Thị	Thu	16/08/1984	TT. Huế	7,5	8,0	Đạt	
199	cb20k6_203	Đỗ Ngọc	Thuân	11/09/1980	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	
200	cb20k6_204	Dương Thị	Thuận	06/08/1989	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
201	cb20k6_205	Dương Thị	Thuận	20/07/1984	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	
202	cb20k6_206	Võ Thị	Thuận	06/06/1983	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
203	cb20k6_207	Võ Huy	Thuật	04/08/1974	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	
204	cb20k6_208	Dương Thị	Thùy	04/09/1988	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
205	cb20k6_209	Bùi Thị Bích	Thủy	05/01/1978	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
206	cb20k6_210	Lê Thị Hồng	Thủy	23/11/1982	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
207	cb20k6_211	Nguyễn Thị	Thủy	06/10/1988	Quảng Bình	7,5	7,5	Đạt	
208	cb20k6_212	Khắc Thị Ngọc	Thúy	02/09/1983	TT. Huế	7,1	7,5	Đạt	
209	cb20k6_213	Nguyễn Thị	Thúy	25/02/1991	Quảng Bình	9,2	8,5	Đạt	
210	cb20k6_214	Nguyễn Thị	Thúy	27/08/1994	Quảng Bình	7,9	8,5	Đạt	
211	cb20k6_215	Trương Thị Ngọc	Thúy	01/06/1975	Quảng Bình	6,7	7,0	Đạt	
212	cb20k6_216	Nguyễn Thị	Thương	07/11/1988	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
213	cb20k6_217	Nguyễn Thị	Thương	18/09/1989	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
214	cb20k6_218	Nguyễn Thị Thanh	Tinh	21/04/1978	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
215	cb20k6_219	Nguyễn Thị	Toan	31/07/1979	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	
216	cb20k6_220	Nguyễn Thị Khánh	Toàn	15/05/1977	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
217	cb20k6_221	Lê Thị	Toán	28/05/1976	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
218	cb20k6_222	Nguyễn Thị	Tơ	26/08/1982	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						LT	TH		
219	cb20k6_223	Lê Thị Thanh	Trà	26/03/1979	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
220	cb20k6_224	Nguyễn Thị Hương	Trà	20/04/1988	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	
221	cb20k6_225	Dương Thị	Trang	27/11/1974	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
222	cb20k6_226	Hoàng Thị Ái	Trang	14/01/1984	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
223	cb20k6_227	Nguyễn Ngọc	Trang	21/11/1991	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	
224	cb20k6_228	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/09/1990	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
225	cb20k6_229	Trần Thị Đài	Trang	28/07/1991	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
226	cb20k6_230	Trần Thị Ngọc	Trình	16/10/1987	Quảng Bình	7,5	7,0	Đạt	
227	cb20k6_231	Trần Thị Mỹ	Trúc	02/01/1986	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	
228	cb20k6_232	Lê Quốc	Trung	10/02/1988	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
229	cb20k6_233	Nguyễn Thanh	Trung	18/01/1981	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	
230	cb20k6_234	Nguyễn Thị	Tuần	09/09/1986	Hà Tĩnh	7,1	7,0	Đạt	
231	cb20k6_235	Dương Minh	Tuần	15/03/1979	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
232	cb20k6_236	Trần Xuân	Tuần	24/02/1989	Quảng Bình	7,5	7,5	Đạt	
233	cb20k6_237	Hoàng Sơn	Tùng	23/09/1980	Quảng Bình	8,3	7,0	Đạt	
234	cb20k6_238	Trần Thị	Tuyên	15/05/1984	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
235	cb20k6_239	Lê Thị	Tuyến	01/06/1983	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
236	cb20k6_240	Nguyễn Thị	Tuyết	20/04/1989	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
237	cb20k6_241	Phạm Thị Bạch	Tuyết	03/02/1975	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
238	cb20k6_242	Ngô Thị Kiều	Vân	29/03/1992	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	
239	cb20k6_243	Nguyễn Thị Hồng	Vân	03/05/1983	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
240	cb20k6_244	Trần Thị Thu	Vân	06/07/1988	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
241	cb20k6_245	Mai Văn	Việt	03/08/1985	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
242	cb20k6_246	Đinh Thị	Vinh	11/06/1991	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
243	cb20k6_247	Nguyễn Văn	Vương	20/05/1966	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
244	cb20k6_248	Trần Thị Phương	Vỹ	02/12/1989	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
245	cb20k6_249	Lê Thị	Xoan	20/08/1987	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	

Danh sách này có 245 thí sinh./.